

MƯỜNG MÁN

Thêm gió



THÈM GIÓ

Mường Mán

VĂN số 149
01-3-1970

thêm gió

Mường Mán

Bìa: Left - Z

Nguồn: Internet

Trình bày: Muôn Phương

Muôn phương góp lại, trả về muôn phương

thềm gió

MỪNG MÃN

TỪ KHI CÓ GÁNH HÁT “PHƯƠNG XA” TỐI. Về trầm lặng của thị trấn chao động thấy rõ. Cái rạp xi-nê bỏ không, đứng co ro ở ngã tư, thường ngày phơi bản mặt nghèo đói tồi tàn, như một gái làng chơi về già, phai hương nhạt phấn, phút chốc thay đổi hẳn. Mặt tiền sáng rõ với loạt ảnh đào kép phóng lớn lồng bởi nhiều tấm kính trang trọng. Mặt tường mốc xỉn được dán kín bởi nhiều tấm bích chương tô màu xanh đỏ lòe loẹt. Diễm Mộng, Hoàng Nam, đào Mỹ Oanh, Hùng Phương... những cái tên đào kép kè lớn nét, đậm màu,

đọc lên nghe kêu đôm đốp. Tên những vở tuồng cũng không kém phần táo bạo. Chiếc loa phóng thanh mắc ngay trên lối vào, suốt ngày quần quai hát ca âm ỹ. Tiếng ca điệu nhạc từ đó tản mát, trùm lấp cả khu vực chợ, cuộn cuộn đổ ra tận ngoài bãi sông.

* * *

Chiếc xe đạp ra khỏi lòng hẻm, chạy bon bon trên mặt đường lớn. Hai chân Đông nhấn xuống đưa lên đều đặn. Vạt áo dạt bay dạt phía sau rồi rít đập gió. Hai dãy nhà lô xô, mái thấp mái cao chen nhau. Những tấm bảng hiệu cũ mòn lấp ló dưới hàng hiên. Khu phố cụt ngùn, rời rạc, tưởng chừng chỉ cần bỏ ra mười lăm phút là đi dạo cùng khắp. Những con đường, mùa mưa, thường được quét lên

một lớp bùn đỏ quạch, bởi hàng loại xe nhà binh mỗi ngày di chuyển qua. Bùn đỏ theo bánh xe từ cánh rừng phía Tây xuống, từ những quả đồi miệt Đông lên. Mùa nắng bùn đỏ khô róm, vục dậy, theo gió bay lượn rợp trời, mát mặt người đi đường. Bụi làm áo trắng bọn học trò nạm hồng từng mảng lớn. Khu phố nhỏ hơn Đông tưởng. Ngày chưa đến đây Đông cứ ngỡ nó rộng lớn ghê lắm. Ít nhất cũng rộng và đẹp hơn làng mình. Hồi đó, lâu lâu Thanh từ tỉnh về, nằm kể chuyện phố phường, làm Đông cứ nôn nao, ngấm ngấm hẹn ngày nào đó đạp xe lên chơi một chuyến, để đi ăn hủ tiếu, đi dạo buổi chiều dọc bờ sông hóng mát, như lời Thanh kể. Với Đông, lúc này khu phố chẳng còn gì đáng gọi là mới lạ nữa. Sáng chiều bốn bận, đạp xe ngang qua những mặt nhà, những hàng quán quen đến độ chán mắt, ớn tận cổ. Đông đâm

ra nhen nhúm ý nghĩ quay trở về với con đường đất, lũy tre xanh, cánh đồng rộng mênh mang ở quê nhà. Ý nghĩ ấy luôn bị rẻ rúng bởi câu hỏi: Làm sao trở về? Về ở với hố bom nhà đổ à? Nỗi nhớ làng mạc nhiều đêm xui Đông ứa nước mắt. Cũng đánh nhớ để mà nhớ vậy thôi. Khi không thể giấu giếm được nữa. Đông thổ lộ nỗi buồn nhớ của mình cho Thanh nghe, đứa em gái thua Đông ba tuổi trùng mắt: “Chị có giỏi về dưới nó ở đi”, câu nói nửa lầy bở, nửa thách thức đe dọa xui Đông mềm lòng. Đông lơ tay cầm ghi-đông, cho xe lăn chầm chậm lúc ngang qua rạp hát. Ngẩng mặt ngó những tấm bích chương, lăm thâm đọc tên mấy vở tuồng, tự dừng nghe dậy một chút vui băng quơ. Nắng lút ngợp hai hàng cây bên đường, thứ nắng không hanh, nhột nhạt bệnh hoạn. Tháng Chạp đang gấp gáp bồ nhào đến những ngày cuối năm.

Thời tiết se lạnh theo những ngọn gió trở mùa từ núi non thổi về. Cái lạnh len lỏi, phức kích trong nắng chực chờ chui lọt vào cổ áo len sớm mai khi ra đường.

Hàng cây mù u rậm lá, tạo thành khoảng rợp khi dài dọc theo bờ đường, trước mặt trụ sở quận. Rải rác vài ba chiếc bàn và kê sát gốc cây, bên cạnh mấy chiếc xe bán nước giải và hàng quà vặt. Trên mỗi chiếc bàn, đặt một cái máy đánh chữ, lỗ nhố đàn bà đàn ông bu quanh. Người đánh máy, hai bàn tay mười ngón vừa gõ lia lịa xuống mặt chữ vừa tiếp chuyện khách hàng. Tiếng lóc cóc vui tai nhòa nhập giữa trăm ngàn tiếng động khác.

Đông dưng chiếc xe đạp vào gốc cây quen thuộc, thoăn thoắt bước vào cái quán may nằm thụt lùi bên mé trái con đường, khiêng ra chiếc bàn vuông và cái

ghế nhỏ, đặt cạnh thiếc xe đạp, đoạn loay hoay tháo gỡ dây buộc chiếc máy chữ, xấp giấy sau «bót-ba-ga» đem để ngay ngắn trên mặt bàn. Đông ngồi xuống, lấy xấp hồ sơ đánh dở từ hôm qua gài vào máy. Mọi quen cử động quen thuộc quá đời. Công việc lập lại mỗi ngày chừng đó. Những ngón tay nhắc lên, đập xuống mặt chữ tự nhiên, gằn bó như không thể rời. Đông có thể vừa gõ vừa nghĩ ngợi lan man, vừa tiếp chuyện kẻ khác. Khách hàng thường là những người lính, đàn ông, đàn bà đến thuê đánh một "táp" giấy khai sinh, chục tờ giá thú. Xong họ mang vào quân thị thực chữ ký, đóng dấu. Thật tiện lợi. Ngoài việc làm cho đầy những khoảng trống chứa sẵn trong mọi thứ giấy tờ. Đông còn giải đáp đủ loại thắc mắc. Với số kinh nghiệm ít ỏi về hành chánh, Đông có thể giải thích cho một số người từ vùng quê lên, cách làm cái đơn

xin bồi thường thiệt hại nhà cửa do chiến tranh gây nên, hay chỉ cho một anh một ngớ ngẩn nào đó, thủ tục xin lập tờ khai gia đình v.v... ở chỗ làm việc lộ thiên kiểu này, dễ chịu hết sức. Khác hẳn không khí nặng như chì trong các công tư sở. Nghe tiếng chim hót, Đông có thể ngược đầu lên thấy nó đứng chỗ nào, nghe tiếng còi xe, tắt máy, Đông có thể nhìn ra thấy ai vừa tới, Đông còn có thể nhìn bao quát cả mặt tiền trụ sở quận, cái bót gác xếp cổng, có người lính đứng mang súng, thỉnh thoảng đi lui đi tới đá mấy cục gạch vụn dưới chân. Tốp nhân viên vào ra mỗi ngày Đông đều quen nhẵn mặt.

Những ngày mưa, Đông dời bàn vào quán may anh Bổng. Anh Bổng góa vợ, có đứa con nhỏ. Đứa nhỏ thường là đầu mối những câu bông đùa. Đứa nhỏ gọi Đông bằng dì, anh Bổng muốn vậy,

Đông thấy cũng chẳng hề gì, nên thường xưng dì dì, con con với đứa nhỏ. Mỗi ngày Đông tới nhấc chiếc bàn ra kê dưới gốc cây, hết giờ làm việc, lại nhấc chiếc bàn cất vào quán. Bổng tuyệt nhiên không làm hộ việc đó. Đoạn đường từ quán mang ra tới gốc cây, chỉ chừng mười bước. Chiếc bàn làm bằng thứ gỗ tạp, mặt vuông vức mỗi bề 8 tấc và 4 cái chân khẳm khiu, không đến nổi nặng. Có lần, nhìn Đông khiêng chiếc bàn, Bổng bật cười: “Cứ khiêng một chặp, riết cô trở thành lực sĩ”. Đông cũng cười: “Có ngày tôi dám khiêng chiếc bàn này chạy quanh thành phố biểu diễn lắm”. Nội dung câu chuyện trao đổi giữa hai người, thường pha loãng bằng tiếng cười trong veo như nước lọc, thú nước lọc có pha đường mà cả hai cùng ngấm nhận ra vị ngọt. Ấy thế, nhưng giữa hai người chưa có cử chỉ nào biểu lộ tình ý rõ rệt. Bổng

già trong bộ đi điệu đứng nhưng thật trẻ ở mỗi lời nói giọng cười. Đông mơ hồ cảm thấy lơ lửng giữa thứ tình cảm nửa-tình-nửa-bạn đó. Thật ra, họ có thể cùng chung lưng góp cuộc sống chung, mãi đến nay vẫn giữ nguyên tình trạng “tình trong như dĩ, mặt ngoài còn e” vì Đông thích như vậy, dường như Bồng cũng có phần nào e ngại đối với việc bước thêm bước nữa.

Bồng đến dựng quán, mở tiệm may ở đây dễ chừng cũng hơn ba năm. Nói là tiệm may, đúng ra thì anh chuyên sửa áo quần lính hơn may đồ xi-vin, thỉnh thoảng mới may cái áo dài, vật bà ba cho những khách quen. Cầm cái thước đo, cây kéo, trước máy may, anh tự du mình vào một thế giới khép kín khiêm tốn. Nhất là từ ngày vợ anh chết, sau đêm bị băng huyết dữ dội sẩy thai đứa con thứ

hai. Nhìn xác vợ nằm bất động dưới lằn “ra” trắng anh cúi đầu, phút chốc nghe như mình già đi mấy tuổi. Ngày đó thằng cu Ti còn nhỏ xíu, anh phải gửi cho bà ngoại nó nuôi giùm. Mỗi lần nhớ đến người vợ vắng phần anh lại thấy tức nghẹn, chát đắng cả cổ họng. Anh hoảng sợ trước cái chết oan ức của vợ, cũng từ đó anh bị ám ảnh bởi mặc cảm có số “sát thể”. Anh muốn đi coi bói một lần cho rõ ngọn ngành, nhưng chần chờ hoài, chắc gì thầy bói nói đã đúng. Chính cái mặc cảm đó, hình bóng người vợ cũ, trì nín không cho anh mạnh dạn bước đi thêm bước nữa trên phần đời còn lại. Anh vẫn định bụng nói hết một lần cho Đông nghe, nhưng mãi đến nay anh chưa hề mở miệng.

Đông xếp tập hồ sơ đánh máy xong đặt qua một bên, bẻ mấy ngón tay kêu rắc

rắc. Ngóai cổ trông vào quán may, thấy Bổng đang nói chuyện với mấy người lính. Đông quay ra ngó mông về phía trụ sở quận, lật tay coi đồng hồ, lẩm bẩm: còn sớm quá. Một người lính từ quán may đi ra, đứng dưới gốc cây dăm dăm ngó Đông. Đông ngừng đầu lên:

– Ủa, anh Phát.

Nghe Đông gọi, người lính bước tới đứng cạnh bàn cười:

– Hà hà, tưởng chị không còn nhận ra tui chớ?

– Đi lính răng chừ?

– Từ “mùa thu năm xưa cách mạng tiến ra đất Việt...”

– Cái tính bông đùa vẫn không bỏ.

– Chị lên đây lâu chưa, không còn làm việc ở xã nữa rặng?

– Trụ sở xã bị sập, làng mất an ninh tôi lên đây gần năm rồi.

Đông ngó cục xương lên xuống ở cần cổ người lính rồi tiếp:

– Tưởng anh còn ở phe bên tê chớ.

Phát bỏ chiếc mũ bê rẻ màu đỏ sậm xuống bàn, vuốt mớ tóc cứng ra đằng sau:

– Khởi nói, tôi là lính của mọi thời đại mà, thời Pháp thuộc đi lính Tây, VC vô chiếm làng, đi lính VC, chán VC ra hồi chánh, nộp súng lãnh tiền thưởng, chừ đi lính Cộng hòa.

– Anh hồi chánh lúc mô tôi không biết?

– Chị làm răng biết được, tui ra hồi chánh ở Quảng Tín.

Nhìn nét mặt rần rỏi, ngăm đen của người lính, Đông thật sự thèm muốn vẻ vô tư vô lự của anh ta. Như sức nhớ, Đông vốn vã hỏi:

– Ủa quên, anh được mấy cháu rồi?

Phát cười, để lộ hai đường răng vàng cẩu:

– Mô có, mới cưới vợ.

Nói xong, anh rút trong túi ra một xấp “Tờ khai giá thú”, xòe trước mặt Đông.

– Chị làm giúp tui cái ni nghe.

Đông lót giấy than gài xấp giấy vào máy. Phát cầm cuốn sổ nhỏ trên tay, lật ra, đọc từng dòng cho Đông đánh.

Đông ngẩng lên khi nghe Phát đọc tên vợ: Nguyễn thị Đông Sương.

– Tên đẹp chắc người phải đẹp lắm há?

Phát cười, kể lể:

– Chị nghĩ, băm bảy tuổi lấy vợ, đẹp hay xấu chi thì cũng lấy đại một lần cho xong, mình mô có còn trẻ nữa mà đòi lông bông.

Hai người tiếp tục nói chuyện về làng nước, chiếc cầu dòng sông, mái đình khu chợ. Phát luôn chép miệng, mỗi lần nghe Đông nhắc đến một biến cố nhà sập, người chết trong làng. Ông Thú, bà Lương, thằng Chút... những người xương thịt mục rã trong đất, bây giờ được hai người gọi dậy với giọng thương cảm thân tình. Trí nhớ Đông như một cuộn

băng ghi lại tất cả và Phát là người mở nút cho cuộn băng kia có dịp mở bung ra, kỷ niệm rời rạc của ngày tháng cũ, chắp nối thành câu chuyện kể. Phát lúc này không còn là Phát mấy năm về trước nữa. Không còn Phát có chút máu điên, nửa đêm cầm dao, gõ cửa nhà ông Thiệt, xả vào lưng ông già một nhát thực mạng, chỉ vì ông không chịu gả con gái cho anh ta. Rồi Phát bỏ lên núi biệt tích. Bây giờ Phát trở về trong bộ đồ lính Biệt động quân. Phát nói chuyện cưới vợ, Đông thật tình không hiểu nổi. Sao lại có người sống bình thản như thế được, “tui là lính của mọi thời đại mà, thời Pháp thuộc đi lính Tây, V.C. vô chiếm làng, đi lính V.C, chán V.C, ra hồi chánh, nộp súng lãnh tiền thưởng, chừ đi lính Cộng hòa”. Chỉ cần một câu nói ngắn, cũng đủ tóm tắt gần nửa đời người. Đông không giấu được vẻ thán phục trong cái nhìn đặt lên

miếng phù hiệu, thêu một chiếc đầu cạp vàng khé trên tay áo Phát. Thỉnh thoảng gặp một người cùng làng cùng xóm, nỗi nhớ quê nhà lại được dịp bung ra trong Đông. Nỗi buồn lại được dịp xâm chiếm gần trọn ba phần tâm hồn. Ở mỗi câu chuyện, thường thường Đông biết thêm được một số tin tức mới, về những người còn ở lại trong làng và những kẻ đã ra đi. Lần này, một cái tin rất mới, khiến Đông xúc động mạnh.

Phát đốt một miếng thuốc gắn lên môi, trong lúc hai bàn tay Đông dừng lại trên máy:

– Chị còn nhớ thằng Đường không, chừ hăn hết đói rách rồi, trở thành kếp hát hách một cây, không tin, chị chỉ cần lên chỗ rạp hát tất biết, hôm qua tui mới gặp hăn, hăn mời tui một miếng xì gà.

Đông không giấu được vui mừng, khi nghe Phát nhạc đến Đường, gã con trai đã ghi đậm hình bóng thuở đầu đời, trong tim mình. Ngồi im lặng một lúc nghe Phát nói, Đông lái câu chuyện sang ngõ khác. Tự nhiên không muốn nghe Phát nhắc đến Đường nữa. Hai người tiếp tục nói về lão Xuân điền sống cô độc trong đình làng.

Mặt trời lên khỏi những ngọn cây mù u. Bóng nắng xuyên qua kẽ lá, rớt xuống đậu trên chiếc mũ bê rê đỏ của Phát, nhảy múa trên hai bàn tay Đông buồn phiền.

* * *

Buổi trưa, Thanh cầm ba tấm vé coi hát đưa cho Đông:

– Em mới gặp anh Đường ngoài chợ, anh mời em đi uống nước rồi đưa 3 tấm vé, nói mời bộ, chị và em tối nay đến coi, tuồng hay lắm, anh Đường đóng vai chính, đáng lẽ anh tới đây thăm những còn bận tập dượt, nên anh gửi lời xin lỗi.

Đông nhìn sững ba tấm vé và vẻ mặt hí hửng của cô em gái, cố nén hồi hộp, giả bộ ngớ ngẩn hỏi Thanh :

– Anh Đường mô mà tau không biết.

Thanh cong cớn:

– Thôi đừng làm bộ nữa bà, anh Đường ở xóm chùa đó.

– À à...

Ông Phụng nằm ngủ lơ mơ trên ghế

bố. Chiếc ra-đi-ô nhỏ đặt ngửa trên bụng đang phát bản tin trưa, nghe Thanh nói đến tên Đường, ông nhồm dậy, dang hăng:

– Có phải thằng Đường con ông Cai Tiều không bây?

Giọng nói ông pha lẫn sự ngạc nhiên lạ lẫm.

– Anh Đường đó chở còn ai nữa, Thanh nói.

– Nghe hẳn đi lính mô trong Nam lận mà.

Thanh nồng nhiệt tiếp lời:

– Phải đó, anh kể với con là anh đi lính, bị thương rằng không biết lại được giải ngũ, rồi chừ anh đi theo đoàn hát “Phương Xa”.

– Chắc hẳn đi kéo màn cho người ta, chớ hẳn mà làm nổi trò trống chi?

– Bọ nói rờn chơi, anh chuyên môn đóng vai chính, anh đổi tên khác rồi, không phải tên Đường nữa mô, bữa ni anh tên Hùng Phương, kếp Hùng Phương lâu lâu bọ nghe ca trong máy ra-đi-ô nờ.

Không chắc ông già chịu tin, Thanh đưa mấy tấm vé cho ông già tiếp:

– Tối ni, bọ đi coi thì biết.

Ông già mân mê mấy tấm vé trong tay. Trong óc ông thoáng hiện ra hình ảnh thằng Đường. Thằng Đường ốm tong ốm teo, giữ bò cho ống Huyện xóm đình. Đôi mắt khờ khệch, luôn luôn tránh né cái nhìn kẻ khác. Dường như suốt đời hẳn không dám ngược lên nhìn ai. Thằng Đường rách rưới đã dám tăng

tịu với con gái ông, cả gan dám cạy người tới hỏi cưới con Đông. Ông nhớ, ông đã trả lời thẳng thắn với người mai mối: «Con Đông nó còn nhỏ, nhà tui đơn chiếc, gả nó đi, việc nhà không ai trông nom». Đó chỉ là câu nói để thoái thác, chối từ. Trong bụng ông lại nghĩ khác. Dưới mắt ông Đường chỉ là thằng cầu bơ cầu bất, «không có cục đất ném con chó, không có miếng đất cắm mũi dùi». Khi nghe con Thanh mách thẳng Đường và con Đông thường hẹn gặp nhau ở ruộng mía sau chùa, ông giận run, lôi cổ Đông ra đánh một trận nhừ tử. Đông chỉ biết khóc. Sau đó, người ta thường thấy Đường buồn bã. Mỗi chiều đứng trên cầu, ngó xuống dòng nước hát hò vu vơ. Rồi Đường nhập ngũ, đi lính. Nhà ông Cai Tiểu cũng dời lên ở Cam Lộ, không còn ai nhớ đến chuyện đó nữa. Hôm nay nghe Thanh nhắc đến Đường,

với lời tán tụng nồng nhiệt, hỏi sao ông già không thẳng thốt ngạc nhiên cho được. Ông dời ghế bố, đến rót ly nước cầm lên tay, kín đáo quan sát nét mặt của Đông. Đông ngồi im trên ghế, loay hoay với hai cái que đan. Mảnh áo len len đan xong một nửa, trải rộng trên đùi. Đông như không hề để ý đến câu chuyện ông già và Thanh nói tự nãy giờ. Ông già dứt mấy tấm vé vào túi. Thanh theo dõi cử chỉ đó, vội nói:

– Tối ni, bỏ đi không?

Ông già cười.

– Ủ, đi chớ, để coi thằng nhỏ ra rả, tau không tin hẳn lại ca kích được.

Thanh quay qua Đông:

– Chị Đông đi không?

Đông ậm ừ trong miệng, rồi đứng dậy đi vào buồng trong nói vọng ra:

– Chết cha, gần 2 giờ rồi, phải đi làm.

Thánh ra đứng ở cửa, nhìn băng quơ mấy chùm hoa vòng vang trên hàng giậu rồi đưa mắt cười tình với gã con trai trên căn gác phía bên kia. Ông già đặt chiếc ly không lên bàn, trở lại nằm trên ghế bố. Mở ra-đi-ô lơ mơ dỗ giấc ngủ. Từ ngày vợ chết, dời bỏ nơi chôn nhau cắt rốn, theo đám đi dân ra tỉnh, ở nhà thuê, uống nước máy, bỏ thuốc vắn, hút thuốc gói, ngày hai buổi rượu trà đúng cũ, ông thấy đời sống mình thay đổi hẳn, có phần nào nhàn tản hơn trước. Con Thánh làm việc trên căn cứ Mỹ, hai tuần lãnh lương một lần, thỉnh thoảng còn mang về thuốc lá, đồ hộp, chất đóng cả tháng ăn không hết. Đông với chiếc máy đánh chữ cũng kiếm được một số

tiền, tạm đủ cho ba bố con một đời sống đầy đủ. Ông tự cho phép mình nghỉ làm việc, dưỡng già. Có điều, ông không bao giờ nghĩ đến chuyện chồng con của con gái. Ông cho việc đó không quan trọng lắm. Sớm muộn gì con gái ông cũng có tấm chồng khá, ông tin tưởng nền móng phúc đức ông cha để lại từ mấy đời nay. Nghe thằng Đường cầu bơ cầu bất thành kếp hát, ông cũng thấy dửng dưng như khi nghe thằng Phát điên khùng đi linh Biệt động quân. Ông ngạc nhiên một chút rồi thôi. Hết cơn bĩ cực phải tới hồi thái lai. Đó là lẽ thường của trời đất.

* * *

Dưới ánh đèn màu rực rỡ. Phong cảnh hữu tình. Võ tướng đang đến hồi lâm ly bi lụy. Tiếng nhạc trầm hẳn xuống, nhường cho tiếng vỗ câu đập rộn rã của đoàn người chiến thắng trở về. Kép Hùng Phương trong bộ võ phục gọn ghẽ, lưng thắt dải lụa hồng điều, vai mang trường kiếm. Mỗi lần thấy Hùng Phương xuất hiện, dưới hàng ghế khán giả, Thanh đập tay vào vai ông già:

– Đó, anh Đường đó bỏ, chà đẹp quá há.

Ông già mãi chú mục theo dõi biến đổi hấp dẫn của võ tướng, có lúc không nghe rõ lời con gái nói bên tai, ông chỉ gật đầu cho xong. Ông vẫn không tin người đóng vai hiệp sĩ tướng mạo đẹp đẽ trên kia là thằng Đường cầu bơ cầu bất được. Đông ngồi cầm nín bên cạnh. Tiếng nhạc lại nổi lên cao vút, đuổi theo giọng ca

của kếp Hùng Phương, diễn tả lòng hân hoan của kẻ say men chiến thắng từ biên cương trở về. Rồi hiệp sĩ nổi trận ghen, khi nghe tin người yêu xưa phản bội. Nàng công chúa xiêm y lộng lẫy bước ra từ sau cánh gà, đến ôm chân người hiệp sĩ phân trần khóc lóc. Hiệp sĩ gạt ra, tiếp tục than dài thở vắn... quyết không thể nhìn mặt nàng được nữa... Mỗi lần thấy Hùng Phương xuất hiện trên sân khấu, lòng Đông không khỏi thấy nao nao tiếc nhớ mối tình xưa cũ. Đường bây giờ đã Hùng Phương, chẳng còn là Đường xưa của Đông nữa. Chẳng còn là gã con trai, đôi mắt lơ đãng lúc nào cũng như đang mơ về một thế giới nào khác. Đông từng nhìn sâu vào đôi mắt ấy — mấp máy nói biết bao điều thương mến. Mối tình nghèo đã chìm ngấm dưới lớp lớp biến cố thời gian. Phút cuối thức dậy trào lòng. Đông cảm thấy túi thân lạ lùng. Lúc vỡ tuồng

sắp đến hồi kết cuộc, Đông vụt đứng dậy nói khẽ vào tai ông Phụng:

– Con nhức đầu quá, con về trước, tí nữa bố về với con Thanh.

Ra khỏi rạp hát đông ngột người, Đông thấy dễ chịu hẳn. Gió đêm phả hơi lạnh vào mặt, len lỏi vào mỗi chân tóc. Một mình đi dưới những mái hiên dọc theo hè phố, nhìn bóng mình quán quýt ngã rạp dưới chân, Đông choáng váng bởi rất nhiều hình ảnh Đường gãy vụn rạp nổi trong đầu. Về đến nhà, tưởng chừng còn nghe tiếng ca điệu nhạc đuổi theo. Tiếng ca theo Đông vào giường ngủ. Tiếng ca trải dài trong đêm quạnh vắng mênh mông.

* * *

Đông đưa cái thư Thanh cho ông già. Ông đọc xong, vò ném phăng ra khỏi cửa. Cục giấy vo tròn lăn lông lốc trên thêm gạch rồi dừng lại ở một hốc tối. Ông già dùng dùng nổi giận. Mặt đỏ gay rồi đổi tái nhợt. Ông ngồi phịch xuống ghế. Dáng thất vọng. Ông cung tay lên, thả quả đấm xuống làm rung rinh mặt bàn:

– Nó gửi thư nhờ ai đưa?

Đông đứng nép vào cánh cửa, run giọng trả lời:

– Dạ chị Lâm ở ngoài chợ.

– Rúa gánh hát đi rằng chừ?

– Dạ hồi trưa.

– Rằng mi không nói cho tao biết ngay, chừ tối cam tối mịt rồi mới nói?

– Dạ chị Lâm mới đưa cho con hồi chiều.

Ông già nhồm dậy rồi lại ngồi phịch xuống ghế chửi đồng:

– Tổ cha con đĩ ngựa, ông biết trước như ri, ông bóp mũi từ hồi mới đẻ cho rồi.

Sương mù pha bóng tối xuống nhanh đầu thêm. Gió đập nhánh sâu đông quét xuống mái tôn rào rạt, át hẳn tiếng mèo gào đuổi nhau trên máng xối. Đông đứng nín thở, quay lưng không dám nhìn thẳng ông già. Ngồi một chặp, như sức nhớ, ông dờn ghế, kiễng chân lôi chai rượu trên nóc tủ, rót ra ly:

– Trước khi đi, con Thanh có nói chị với mi không?

– Dạ không.

– Cái thằng trời đánh thánh vật, thằng Đường có đến đây không?

– Dạ không.

Đông nghe giọng trả lời của mình lạ hoắc. Sao không là Đông, mà là Thanh bỏ nhà theo gánh hát «Phương Xa», theo kếp Hùng Phương. Ông già không thể nào hiểu được, cũng như Đông không hề ngờ, đứa em gái thua Đông ba tuổi lại bạo gan đến thế. Không dừng Đông nghe cay cay hai mí mắt. Dưới khoảng sáng đèn, bóng ông già câm lặng in trên vách tường. Vài tiếng đàn guitare rời rạc vẳng từ hàng xóm sang, vỡ khàn, lạc giọng. Tiếng đàn của gã con trai trên căn gác nhà bên cạnh (gã con trai hay đùa mắt cười tình với Thanh). Ông già ngồi bất động trên ghế. Mắt lom lom nhìn ra khoảng tối đen ngịt ngoài cửa. Rượu tiếp tục rót ra ly, dốc ngược vào cổ.

Đông lặng lẽ rút lui nhà sau. Nhẹ nhàng dắt chiếc xe đạp ra khỏi cổng. Đạp riết về phía quán may. Tháng chạp đang gấp gáp bổ nhào đến những ngày cuối năm. Gió ngập lòng con phố hẹp.

Trong lúc ông già say gặt gù trên ghế, ở quán may, Đông khóc vui trong vòng tay của Bổng – người đàn ông góa vợ, có đứa con trai nhỏ vẫn thường gọi Đông bằng dì.

MUỖNG MẢN

*(Trích Tập san văn chương tư tưởng
nghệ thuật VẤN. Năm thứ 7, số 149.
Ra ngày 01.3.1970. Trang 71–81)*

